

Biểu 01 - DST
(Ban hành tại Thông tư số: 01/2022/TT-BYT)
Ngày nhận b/c: Chậm nhất 15 ngày kể từ thời điểm
kết thúc kỳ báo cáo.
Số:...../BC-.....

Đơn vị báo cáo :
Chi cục DS-KHHGD Tỉnh Thanh Hoá
Nơi nhận:
+ Tổng cục DS-KHHGD
+ Sở Y tế Tỉnh Thanh Hoá
+ Cục thống kê Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH DÂN SỐ
QUÝ 3 NĂM 2024

Tên chỉ tiêu	Toàn tỉnh	Huyện Bá Thước	Huyện Cẩm Thủy
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	923.488	26.134	27.746
Trong đó: Số hộ gia đình	922.950	26.129	27.743
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	3.875.707	112.130	119.832
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	588.334	18.290	17.953
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	8.605	203	241
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	4.736	108	142
- Số trẻ em nữ sinh ra	3.869	95	99
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	2.606	90	74
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	1.939	37	46
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	349	10	16
5. Số người chết trong quý (người)	4.063	135	109
6. Số người kết hôn trong quý (người)	1.697	3	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	388	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	93	93	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	57	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	5.725	14	3
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	4.638	24	19
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	17.389	530	176
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	1.283	16	8
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	117	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	314	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	24	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	46	5	2
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	2	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	20.821	31.877	43.184
Trong đó: Số hộ gia đình	20.819	31.877	43.179
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	81.828	122.704	185.680
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	12.592	17.873	26.116
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	179	251	262
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	90	147	160
- Số trẻ em nữ sinh ra	89	104	102
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	51	83	55
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	39	63	70
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	4	6	11
5. Số người chết trong quý (người)	71	119	125
6. Số người kết hôn trong quý (người)	69	0	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	163	198	82
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	107	145	129
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	671	332	0
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	167	4	1
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	35	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	2	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	1	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoàng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	57.211	11.592	7.868
Trong đó: Số hộ gia đình	57.208	11.591	7.866
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	235.028	51.114	40.447
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	33.739	8.212	6.772
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	496	0	133
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	292	0	55
- Số trẻ em nữ sinh ra	204	0	78
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	115	0	27
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	78	0	14
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	11	0	25
5. Số người chết trong quý (người)	258	23	31
6. Số người kết hôn trong quý (người)	122	0	76
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	180
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	4	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	161	0	49
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	65	4	7
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	22	425
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	48	0	30
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	0	3
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	1	0	2
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	45.870	37.538	33.840
Trong đó: Số hộ gia đình	45.866	37.538	33.816
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	190.186	139.919	147.078
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	27.250	20.484	23.804
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	198	438	280
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	106	233	159
- Số trẻ em nữ sinh ra	92	205	121
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	67	112	71
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	53	101	28
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	5	23	9
5. Số người chết trong quý (người)	137	184	378
6. Số người kết hôn trong quý (người)	5	138	74
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	5
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	41	242	236
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	30	16	498
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	734
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	27	6	24
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	0	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	6
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	1	0	2
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	22.852	16.567	10.812
Trong đó: Số hộ gia đình	22.848	16.528	10.789
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	100.969	73.871	48.517
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	16.133	12.092	8.147
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	10	154	49
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	4	82	36
- Số trẻ em nữ sinh ra	6	72	13
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	8	23	25
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	3	12	8
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	1	3	5
5. Số người chết trong quý (người)	9	62	25
6. Số người kết hôn trong quý (người)	0	1	6
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	4
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	0	33	25
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	1	6	37
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	620
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	0	1	6
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	8.936	49.744	34.910
Trong đó: Số hộ gia đình	8.887	49.700	34.905
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	42.061	227.868	155.452
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	7.121	34.491	23.799
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	44	218	356
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	21	126	178
- Số trẻ em nữ sinh ra	23	92	178
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	16	55	124
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	5	59	85
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	2	7	19
5. Số người chết trong quý (người)	13	74	202
6. Số người kết hôn trong quý (người)	4	0	116
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	0	9	233
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	3	21	148
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	63	0	1.268
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	0	22	261
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	3	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	1	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	5
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	41.882	55.269	21.557
Trong đó: Số hộ gia đình	41.882	55.260	21.556
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	162.803	208.121	96.370
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	23.365	29.294	15.793
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	424	539	171
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	239	321	77
- Số trẻ em nữ sinh ra	185	218	94
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	126	153	50
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	98	130	31
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	20	27	14
5. Số người chết trong quý (người)	243	310	66
6. Số người kết hôn trong quý (người)	7	87	39
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	18	17
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	1	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	197	114	51
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	202	472	33
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	808	494	982
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	15	12	12
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	3	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	6	1	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	1	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	1	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	52.157	22.700	44.130
Trong đó: Số hộ gia đình	52.155	22.685	44.129
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	220.716	87.411	172.596
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	32.737	12.196	25.586
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	627	227	477
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	340	127	268
- Số trẻ em nữ sinh ra	287	100	209
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	207	86	118
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	158	61	134
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	26	8	15
5. Số người chết trong quý (người)	280	109	224
6. Số người kết hôn trong quý (người)	38	14	32
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	17
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	2
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	278	143	176
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	116	111	151
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	874	751	303
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	11	196	32
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	26	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	2	4	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	13	3	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	2	6	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	1	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	25.861	94.519	16.026
Trong đó: Số hộ gia đình	25.857	94.350	15.902
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	117.056	401.228	61.414
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	18.194	65.023	8.301
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	341	1.128	165
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	181	631	86
- Số trẻ em nữ sinh ra	160	497	79
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	104	419	43
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	93	175	13
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	12	25	0
5. Số người chết trong quý (người)	99	221	50
6. Số người kết hôn trong quý (người)	286	239	1
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	32	3	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	9	2	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	256	887	48
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	209	254	15
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	251	0	0
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	18	178	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	30	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	2	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	61.885
Trong đó: Số hộ gia đình	61.885
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	273.308
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	42.977
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	994
Trong tổng số:	
- Số trẻ em nam sinh ra	527
- Số trẻ em nữ sinh ra	467
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	304
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	345
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	45
5. Số người chết trong quý (người)	506
6. Số người kết hôn trong quý (người)	340
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	121
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	30
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	2.086
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	1.815
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	8.085
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	188
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	11
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	287
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	6
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	22
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	1

Tên chỉ tiêu	Toàn tỉnh	Huyện Bà Thước	Huyện Cẩm Thủy
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	3	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	289.933	11.437	8.192
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	213.447	8.455	4.830
- Triệt sản nam	85	4	7
- Triệt sản nữ	1.740	31	54
- Thuốc cấy tránh thai	1.002	84	53
- Thuốc tiêm tránh thai	2.318	147	87
- Thuốc uống tránh thai	22.505	1.027	1.201
- Bao cao su	37.850	1.535	1.816
- Biện pháp tránh thai khác	10.986	154	144
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	298.401	6.853	9.761
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	63	63	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	27	27	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	54	54	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	54	54	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	33	33	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	28	28	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	65	65	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	7	7	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	58	58	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	1.870	1.870	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	1.016	1.016	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	6.667	11.334	10.398
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	4.572	7.670	9.140
- Triệt sản nam	2	0	4
- Triệt sản nữ	52	107	53
- Thuốc cấy tránh thai	14	5	0
- Thuốc tiêm tránh thai	41	80	121
- Thuốc uống tránh thai	625	796	338
- Bao cao su	1.018	2.342	575
- Biện pháp tránh thai khác	343	334	167
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	5.925	6.539	15.718
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoàng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.549	5.330	3.379
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	12.030	4.631	2.660
- Triệt sản nam	2	7	1
- Triệt sản nữ	107	27	0
- Thuốc cấy tránh thai	7	0	57
- Thuốc tiêm tránh thai	42	97	110
- Thuốc uống tránh thai	583	213	358
- Bao cao su	1.288	264	169
- Biện pháp tránh thai khác	490	91	24
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	19.190	2.882	3.393
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	8.516	8.321	12.923
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	6.763	6.423	8.176
- Triệt sản nam	0	4	10
- Triệt sản nữ	54	68	157
- Thuốc cấy tránh thai	61	1	54
- Thuốc tiêm tránh thai	116	38	111
- Thuốc uống tránh thai	520	593	1.407
- Bao cao su	682	987	1.784
- Biện pháp tránh thai khác	320	207	1.224
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	18.734	12.163	10.881
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	8.462	7.097	4.190
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	7.442	5.144	2.717
- Triệt sản nam	0	6	2
- Triệt sản nữ	72	99	17
- Thuốc cấy tránh thai	15	2	28
- Thuốc tiêm tránh thai	48	51	81
- Thuốc uống tránh thai	416	788	907
- Bao cao su	442	874	437
- Biện pháp tránh thai khác	27	133	1
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	7.671	4.995	3.957
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	4.306	18.057	11.318
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	3.576	15.266	8.011
- Triệt sản nam	7	5	2
- Triệt sản nữ	42	63	36
- Thuốc cấy tránh thai	59	14	71
- Thuốc tiêm tránh thai	268	14	183
- Thuốc uống tránh thai	242	330	1.357
- Bao cao su	86	2.065	1.119
- Biện pháp tránh thai khác	26	300	539
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	2.815	16.434	12.481
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	10.635	15.362	6.412
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	9.368	11.472	5.470
- Triệt sản nam	0	3	1
- Triệt sản nữ	53	96	42
- Thuốc cấy tránh thai	9	109	2
- Thuốc tiêm tránh thai	1	163	24
- Thuốc uống tránh thai	432	986	334
- Bao cao su	690	2.074	464
- Biện pháp tránh thai khác	82	459	75
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	12.730	13.932	9.381
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.599	5.401	14.765
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	10.279	3.646	12.898
- Triệt sản nam	0	1	10
- Triệt sản nữ	90	33	23
- Thuốc cấy tránh thai	25	19	57
- Thuốc tiêm tránh thai	61	61	122
- Thuốc uống tránh thai	1.602	560	544
- Bao cao su	2.428	736	908
- Biện pháp tránh thai khác	114	345	203
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	18.138	6.795	10.821
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	12.388	23.320	3.759
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	5.409	18.876	3.173
- Triệt sản nam	3	2	0
- Triệt sản nữ	72	114	10
- Thuốc cấy tránh thai	1	13	1
- Thuốc tiêm tránh thai	5	74	62
- Thuốc uống tránh thai	952	536	82
- Bao cao su	3.516	2.452	309
- Biện pháp tránh thai khác	2.430	1.253	122
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	5.806	41.703	4.542
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	3
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	28.816
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	15.350
- Triệt sản nam	2
- Triệt sản nữ	168
- Thuốc cấy tránh thai	241
- Thuốc tiêm tránh thai	110
- Thuốc uống tránh thai	4.776
- Bao cao su	6.790
- Biện pháp tránh thai khác	1.379
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.161
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0

Tên chỉ tiêu	Toàn huyện	Huyện Bá Thước	Huyện Cẩm Thủy
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	469	469	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	3.749	3.749	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý	0		
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý	0		
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý	0		
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý	0		
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	5.232	205	119
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
CHI CỤC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	94	143	176
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoằng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	257	88	114
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	230	192	213
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	169	210	107
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	125	188	282
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	192	297	150
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	458	140	149
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	86	514	65
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý	
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý	
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý	
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý	
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	269
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0